

**CAM KẾT MỞ CỬA
THỊ TRƯỜNG NÔNG LÂM THỦY SẢN
TRONG KHUÔN KHỔ
HIỆP ĐỊNH CPTPP VÀ EVFTA**

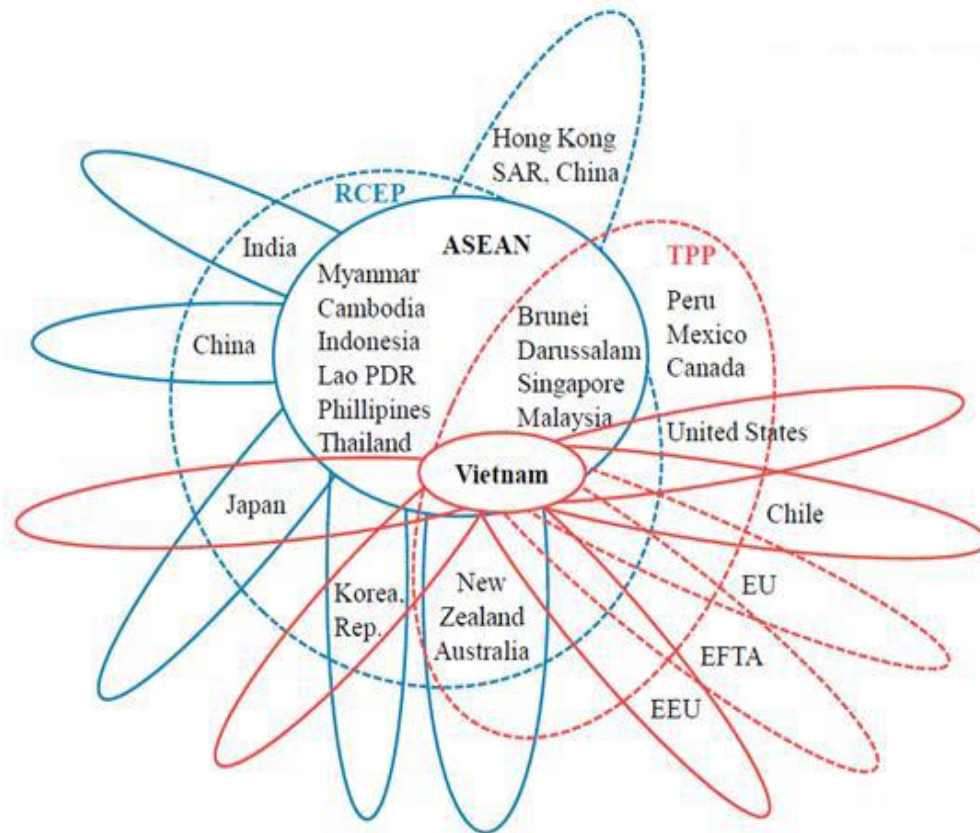
*Vụ Hợp tác quốc tế
Bộ Nông nghiệp và PTNT*

Nội dung trình bày

I. HIỆP ĐỊNH CPTPP

II. HIỆP ĐỊNH EVFTA

III. ĐỀ XUẤT



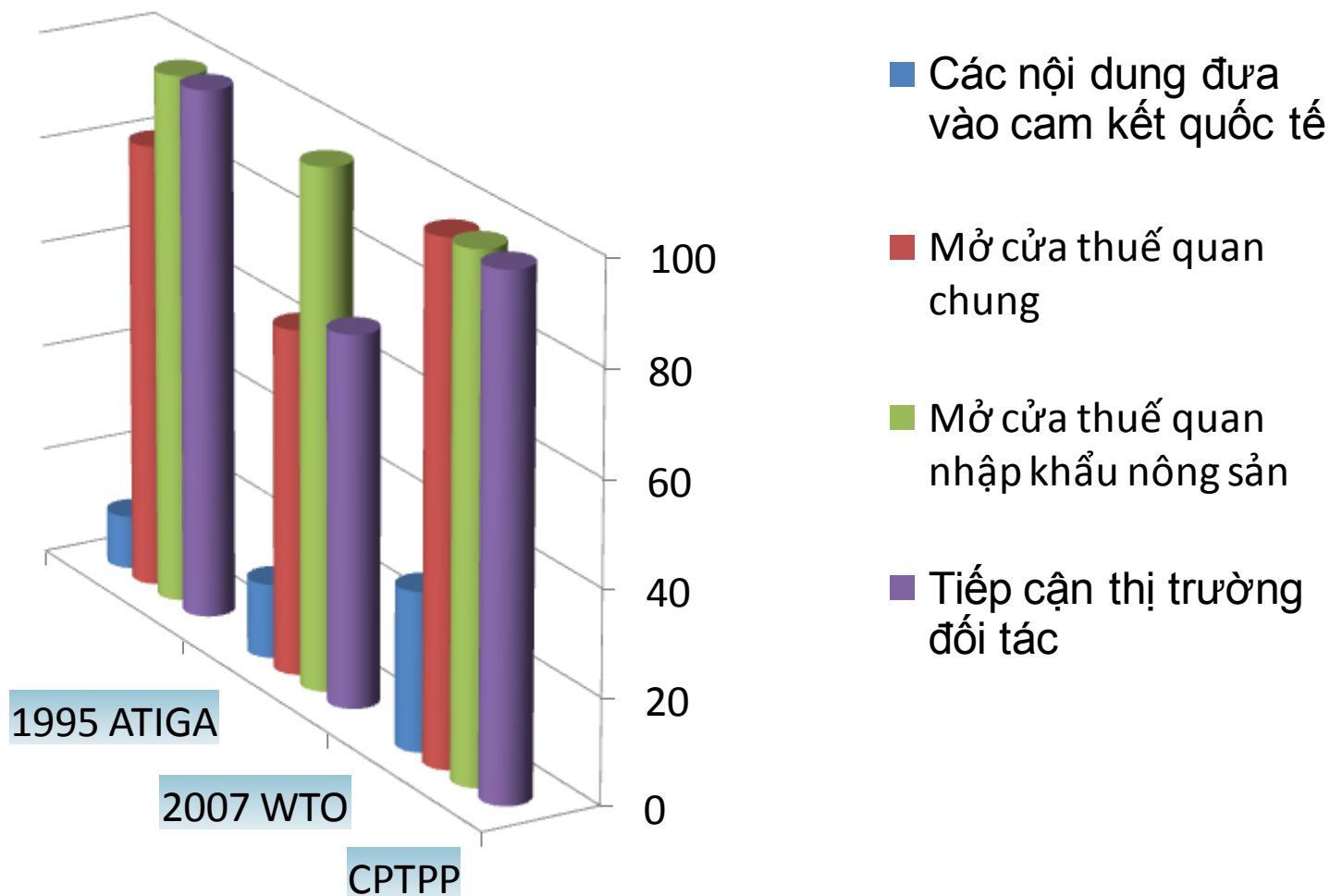
I. HIỆP ĐỊNH CPTPP



Cam kết về thuế nhập khẩu trong các FTA đã ký kết

KHUÔN KHỔ	PHẠM VI (% số dòng thuế)	HIỆU LỰC	HOÀN THÀNH
1. ASEAN	98%	1999	2015/2018
2. ACFTA	90%	2005	2015/2018
3. AKFTA	86%	2007	2016/2018
4. AANZFTA	90%	2009	2018/2020
5. AIFTA	78%	2010	2020
6. AJEPA	87%	2008	2025
7. VJEPA	92%	2009	2026
8. VCFTA	89%	2014	2030
9. VKFTA	88%	2016	2031
10. VN EAEU FTA	88%	2016	2027

CPTPP và tương quan với các cam kết thương mại tự do khác mà Việt Nam tham gia



Mở cửa thị trường NLTS các nước CPTPP theo nhóm hàng hóa

Mặt hàng	Mở cửa thị trường đối tác
Gạo	7 nước xóa bỏ thuế quan ngay Chile, Mexico: Xóa bỏ thuế có lộ trình 8-10 năm Nhật Bản không cam kết đối với mặt hàng này.
Cà phê	9 nước xóa bỏ thuế quan ngay đối với cà phê nguyên liệu HS 09 và cà phê hòa tan HS 21: AU, NZ, CA, MY, SG, BN, CL, PE, JP Mexico cắt giảm 50-70% thuế suất, có lộ trình 5-10 năm.
Hạt tiêu	9 nước xóa bỏ thuế quan ngay: AU, NZ, CA, MY, SG, BN, CL, PE, JP. Mexico xóa bỏ thuế có lộ trình 16 năm đối với hạt tiêu xanh
Hạt điều	Các nước xóa bỏ thuế quan ngay

Mở cửa thị trường NLTS các nước CPTPP theo nhóm hàng hóa

Mặt hàng	Mở cửa thị trường đối tác
Chè	Xóa bỏ thuế quan ngay: các nước trừ Nhật Bản, xóa bỏ lộ trình 5 năm
Rau quả	Xóa bỏ thuế quan ngay đối với rau quả nhiệt đới tươi Việt Nam có lợi thế xuất khẩu. Các sản phẩm chế biến, đóng hộp xóa bỏ với lộ trình 3-5 năm. Đối với dứa ngâm đường, Nhật Bản xóa bỏ thuế lộ trình 10 năm
Đường và sản phẩm đường	6 nước xóa bỏ thuế quan ngay: Canada, Úc, New Zealand, Brunei, Malaysia, Singapore; Peru và Chile: xóa bỏ thuế quan nhưng áp dụng hệ thống điều chỉnh thuế nhập khẩu nếu trong nước có biến động giá. Nhật Bản: cam kết hạn ngạch đối với đường tiêu dùng thông thương nhưng lượng hạn ngạch nhỏ không đáng kể. Các sản phẩm đường được xóa bỏ với lộ trình 4-16 năm tùy dòng.

Mở cửa thị trường NLTS các nước CPTPP theo nhóm hàng hóa

Mặt hàng	Mở cửa thị trường đối tác
Mật ong	9 nước xóa bỏ thuế quan ngay, Riêng Nhật Bản xóa bỏ với lộ trình 7 năm
Thủy sản	Xóa bỏ thuế quan ngay và một số ít dòng xóa bỏ sau 2-3 năm với hầu hết sản phẩm thủy sản sơ chế chương 03 gồm: cá tra, cá ngừ (vây vàng, sọc dưa), tôm, thịt cua, nhuyễn thể khác. Xóa bỏ thuế có lộ trình từ 5-10-15 năm với sản phẩm chế biến
Gỗ và sản phẩm gỗ	Xóa bỏ thuế quan ngay đối với hầu hết sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam, chiếm từ 85-100% kim ngạch xuất khẩu tùy từng đối tác. Nhật Bản áp dụng lộ trình 15 năm đối với các mặt hàng gỗ cây lá kim ván ép và áp dụng quy chế ngưỡng nhập khẩu đối với một vài mặt hàng nhưng đảm bảo lợi ích xuất khẩu của Việt Nam

Cam kết mở cửa thị trường NLTS Việt Nam trong CPTPP

Chương	MFN (%)	Danh mục	Cam kết mở cửa
C1-Động vật sống (trâu, bò, lợn, gà, chim, côn trùng...)	0-5	EIF	- Xóa bỏ thuế ngay lập tức với toàn bộ chương
C2-Thịt và phụ phẩm dạng thịt ăn được sau giết mổ	7-40	B3-B13	<ul style="list-style-type: none">- Thịt gà nguyên con, tươi, ướp lạnh, phụ phẩm: xóa bỏ lộ trình 13 năm- Thịt gà, thịt lợn các mảnh tươi, ướp lạnh, đông lạnh: xóa bỏ lộ trình 10-13 năm tùy dòng cụ thể- Thịt lợn cắt mảnh đông lạnh: xóa bỏ lộ trình 8 năm, cắt giảm 1% so với thuế suất cơ sở ngay khi có hiệu lực- Thịt lợn, gà ngâm muối: xóa bỏ lộ trình 8 năm- Nội tạng đỏ của lợn, và động vật linh trưởng: xóa bỏ lộ trình 5-7 năm- Thịt bò: xóa bỏ lộ trình 3 năm
C3-Cá và động vật giáp xác, động vật thân mềm và động vật thủy sinh không xương sống khác	0-34	EIF – B4	Toàn bộ sản phẩm chương 03 xóa bỏ thuế ngay lập tức, trừ 2 dòng sản phẩm tôm hùm đá và tôm hùm biển hun khói

Cam kết mở cửa thị trường NLTS Việt Nam trong CPTPP

Chương	MFN (%)	Danh mục	Cam kết mở cửa
C4-Sản phẩm bơ sữa; trứng chim và trứng gia cầm; mật ong tự nhiên;	3-80	EIF – VN22	<ul style="list-style-type: none">- Sữa bột không đường, pho mát chế biến, sữa đóng gói hơn 20kg, whey: xóa bỏ ngay.- Các sản phẩm còn lại xóa bỏ lộ trình 3-5 năm.- Trứng: WTO TRQ, thuế trong TRQ xóa bỏ lộ trình 6 năm- Mật ong tự nhiên: xóa bỏ ngay
C5-Sản phẩm gốc động vật, chưa được chi tiết hoặc ghi ở các nơi khác	0-5	EIF	Toàn bộ sản phẩm chương 05 xóa bỏ thuế ngay khi hiệp định có hiệu lực

Cam kết mở cửa thị trường NLTS Việt Nam trong CPTPP

Chương	MFN (%)	Danh mục	Cam kết mở cửa
C6, 07 – Rau, hoa và một số loại củ, thân củ	0-20	EIF – B8	<ul style="list-style-type: none"> - Hoa tươi, khoai, sắn: xóa bỏ ngay - Rau: rau củ, cải, hoa lơ ôn đới xóa bỏ ngay; rau củ nhiệt đới và cà chua, dưa chuột, tỏi, hành, khoai tây, ngô: xóa bỏ lộ trình 3-4 năm. - Nấm xóa bỏ lộ trình 6- 8 năm - Hạt giống rau: xóa bỏ ngay - Sản phẩm chế biến: <ul style="list-style-type: none"> + Củ rau: cơ bản xóa bỏ lộ trình 3-6 năm, nấm xóa bỏ lộ trình 11 + Củ quả: trái cây ngâm đường, nước ép xóa bỏ lộ trình 4-8 năm tùy thuộc mặt hàng
C8 – Quả và quả hạch	5-31	EIF – B6	<ul style="list-style-type: none"> Quả ôn đới: hầu hết xóa bỏ lộ trình 3-6 năm (anh đào, táo) Quả nhiệt đới: xóa bỏ ngay Các loại quả có cả ở ôn đới và nhiệt đới: xóa bỏ 2 -6 năm Quả hạch (điều, hạnh nhân, óc chó, hạt dẻ...): 3-6 năm

Cam kết mở cửa thị trường NLTS Việt Nam trong CPTPP

Chương	MFN (%)	Danh mục	Cam kết mở cửa
C9-Cà phê, chè, chè Paragoay và các loại gia vị	15-40	B8	- Xóa bỏ thuế lộ trình 4 năm
C10 – Quả và quả hạch	0 – 10	EIF – B6	Cơ bản xóa bỏ ngay khi hiệp định có hiệu lực, trừ một số sản phẩm xóa bỏ lộ trình 5-6 năm như ngô, diêm mạch, hạt kê.
C11 – các sản phẩm xay xát, tinh bột	5 - 30	B4 – B6	- Xóa bỏ theo lộ trình từ 4-6 năm
C12 – Hạt, quả có dầu, cây công nghiệp, cây dược liệu	0 -25	EIF - B4	Rong, tảo biển: xóa bỏ lộ trình 4 năm Quả và hạt có dầu: xóa bỏ lộ trình 4 năm Hạt, quả và mầm, dùng để gieo trồng, cây dược liệu: xóa bỏ ngay
C13, 14 - Nhựa cây, các chất nhựa và các chất chiết xuất từ thực vật khác; Vật liệu thực vật	5	EIF – B11	- Xóa bỏ toàn bộ ngay khi hiệp định có hiệu lực, trừ thuốc phiện

Cam kết mở cửa thị trường NLTS Việt Nam trong CPTPP

Chương	M FN (%)	Danh mục	Cam kết mở cửa
C15-Chất béo và dầu có nguồn gốc từ động vật hoặc thực vật và các sản phẩm tách từ chúng; chất béo ăn được đã chế biến; các loại sáp động vật hoặc thực vật	3 -30	B8	-Mỡ lợn, trâu, bò: xóa bỏ lộ trình 5 -11 năm -Mỡ, dầu từ cá: xóa bỏ ngay - Chất béo, chiết xuất động thực vật khác: xóa bỏ lộ trình 3-11 năm
C16 – Các chế phẩm từ thịt, cá hay động vật giáp xác, động vật thân mềm hoặc động vật thủy sinh không xương sống khác	22 - 34	B3 – B8	-Sản phẩm chế biến từ cá trích, cá ngừ, cá nục, cá cơm, cá sòng, cá mập, trứng cá tầm, sản phẩm chế biến từ cua, ghẹ, tôm, hào, sò, điệp, bạch tuộc: xóa bỏ với lộ trình 4 năm - Sản phẩm chế biến của cá hồi: xóa bỏ với lộ trình 8 năm - Xúc xích, thịt đã qua chế biến: xóa bỏ với lộ trình 8 -11 năm
C17 – Đường và các loại kẹo đường	0 -85	B4 – B6	-Đường: TRQ WTO, xóa bỏ thuế trong hạn ngạch trong 11 năm. - Đường, siro từ gỗ thích, xóa bỏ ngay - Kẹo và sản phẩm đường xóa bỏ lộ trình 4-6 năm

Cam kết mở cửa thị trường NLTS Việt Nam trong CPTPP

Chương	MFN (%)	Danh mục	Cam kết mở cửa
C18-Cacao và chế phẩm từ cacao	10-25	B5 - B8	- Xóa bỏ theo lộ trình từ 5-8 năm
C19 – Chế phẩm từ ngũ cốc, bột, tinh bột hoặc sữa; các loại bánh	5 – 40	B3 – B8	- Bột dinh dưỡng: xóa bỏ với lộ trình 3 năm - Mỳ, bún, miến: xóa bỏ với lộ trình 6-8 năm -Corn flake, các sản phẩm ngũ cốc: xóa bỏ với lộ trình 4năm
C20 – Các chế phẩm từ rau, quả, quả hạch (nut) hoặc các phần khác của cây	18 - 40	B4 – B8	- Chế phẩm từ rau quả như dưa chuột, cà chua, hành tây, khoai tây: xóa bỏ với lộ trình 4 – 6 năm; Khoai tây chiên: xóa bỏ lộ trình 5 năm - Mứt, thạch trái cây: xóa bỏ theo lộ trình 5 năm - Nước ép trái cây: xóa bỏ theo lộ trình 5 - 8 năm - Chế phẩm thực phẩm khác: xóa bỏ theo lộ trình 5-6 năm
C21-Chế phẩm ăn được khác	5 – 40	EIF – B6	- Cà phê hòa tan, các chế phẩm và chiết xuất tinh chất của chè, cà phê: xóa bỏ với lộ trình 6 năm - Men sống, men y, bột nở: xóa bỏ ngay - Nước xốt, gia vị, bột canh, mù tạt: xóa bỏ với lộ trình 5-6 năm - Chế phẩm thực phẩm khác: xóa bỏ với lộ trình 4-6 năm

Cam kết mở cửa thị trường NLTS Việt Nam trong CPTPP

Chương	FN (%)	Danh mục	Cam kết mở cửa
C22 – Đồ uống, rượu và giấm	10-59	B3 – B12	<ul style="list-style-type: none">- Nước khoáng, nước ngọt, nước có ga, sữa tươi, sữa đậu nành: xóa bỏ với lộ trình 7 - 8 năm- Bia: xóa bỏ theo lộ trình 11 năm- Rượu vang, rượu mạnh: xóa bỏ theo lộ trình 11-12 năm- Rượu sake: xóa bỏ thuế theo lộ trình 3 năm- Giấm: xóa bỏ theo lộ trình 6 năm
C23 – Phế liệu và phế thải từ ngành công nghiệp thực phẩm; thức ăn gia súc đã chế biến	0 – 7	EIF	<ul style="list-style-type: none">- Xóa bỏ ngay khi hiệp định có hiệu lực
C24 - Thuốc lá và nguyên liệu thay thế lá thuốc lá đã chế biến	30 - 135	B16 – VN21-A; TRQ-VN3	<ul style="list-style-type: none">- Thuốc lá điếu, xì gà: xóa bỏ lộ trình 16 năm- Lá thuốc lá: TRQ CPTPP, xóa bỏ thuế trong hạn ngạch lộ trình 21 năm

Các cam kết liên quan khác

- Về xuất xứ: Nâng yêu cầu về hàm lượng khu vực sản phẩm sản xuất từ nguồn lợi chung;
- Biện pháp SPS tiến bộ, minh bạch, dễ dự báo và hợp lý
- Sở hữu trí tuệ: WTO++
- Xóa bỏ trợ cấp khai thác; Chống IUU;
- Tạo thuận lợi hơn cho đầu tư trực tiếp nước, minh bạch hơn và có thể dự báo. Đảm bảo đầu tư với tiêu chuẩn cao; Cho phép nhà đầu tư nước ngoài được khởi kiện Chính phủ tại Trọng tài quốc tế theo quy tắc trọng tài khách quan
- Bảo vệ quyền lợi của người lao động; chống lao động trẻ em.

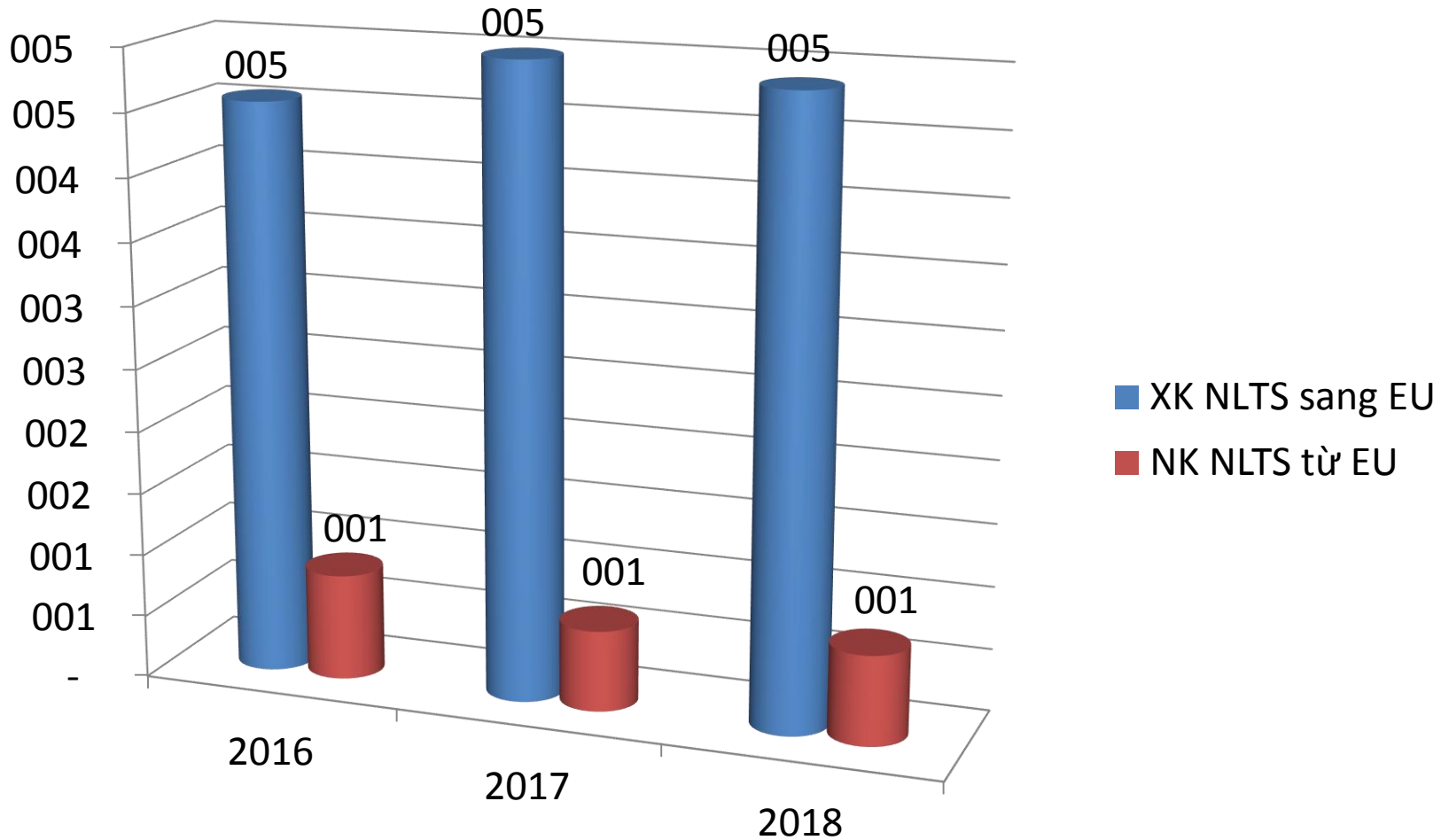
II. HIỆP ĐỊNH EVFTA



HIỆP ĐỊNH THƯƠNG MẠI TỰ DO EU - VIỆT NAM

Thị trường EU với ngành nông nghiệp Việt Nam

Tỷ USD



Mở cửa thị trường NLTS EU theo nhóm hàng hóa

Mặt hàng	Mở cửa thị trường EU
Thủy sản	Xóa bỏ ngay 50% số dòng thuế (trừ cá ngừ đóng hộp và cá viên) 50% số dòng thuế còn lại: lộ trình cắt giảm từ 3-7 năm Với cá da trơn, mức thuế giảm từ 6.8% hiện nay về 0% vào năm thứ 3
SP trồng trọt	Rau quả: 520/556 dòng thuế về 0% ngay khi HĐ có hiệu lực Rau quả chế biến: 85,6% dòng SP về 0% khi HĐ có hiệu lực Cà phê, hạt tiêu: 93% dòng SP về 0% khi HĐ có hiệu lực Điều: hưởng thuế 0% ngay khi HĐ có hiệu lực
Gạo	Gạo tấm: thuế về 0% sau 5 năm SP từ gạo: thuế về 0% sau 3-5 năm SP xay xát (tinh bột gạo, tinh bột ngô...) hiện thuế trên 100%, lộ trình cắt giảm sau 7 năm Áp dụng TRQ đối với gạo: 80.000 tấn

Mở cửa thị trường NLTS EU theo nhóm hàng hóa

Mặt hàng	Mở cửa thị trường EU
Chăn nuôi	<p>59,95% dòng SP sẽ về 0% khi HĐ có hiệu lực</p> <p>Động vật sống: cơ bản thuế 0%</p> <p>Nhóm thịt trâu bò tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh: cơ bản thuế 0%</p> <p>Nhóm thịt lợn tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh: cơ bản thuế 0%</p> <p>Nhóm thịt gia cầm tươi, ướp lạnh hoặc đông lạnh: Lộ trình cắt giảm thuế 7 năm</p>
Lâm sản	<p>87,55% dòng SP về 0% khi HĐ có hiệu lực</p> <p>Số còn lại có lộ trình cắt giảm 3-5 năm</p>

Cam kết mở cửa thị trường NLTS Việt Nam trong EVFTA

Lộ trình	Số dòng thuế	Tỷ lệ %	Ghi chú
A	387	21,30	
B3	453	24,93	Nhóm thịt bò
B5	349	19,21	Nhóm SP sữa
B7	358	19,70	Nhóm thịt lợn đông lạnh, rượu, SP chế biến
B10	205	11.28%	Nhóm thịt gà
B10-in TRQ	26	0.72%	Phụ phẩm, đường, thuốc lá
B15	18	0.99	SP thuốc lá

Tổng biểu NLST là 1817 dòng thuế

A: Thuế về 0% sau khi HĐ có hiệu lực

B: Thời hạn cắt giảm thuế (B3 – 3 năm; B5 – 5 năm)

TRQ: Hạn ngạch thuế quan

Các cam kết liên quan khác

QUY TẮC XUẤT XỨ

- Mật ong (HS 0409): xuất xứ thuần túy;
- Rau củ quả và các sản phẩm rau củ quả (HS 07, 08 và 20): QTXX thuần túy đối với rau củ quả nguyên liệu và có giới hạn tỷ lệ đường không xuất xứ 20% đối với sản phẩm chế biến từ rau củ quả;
- Gạo (HS1006): xuất xứ thuần túy;
- Các chế phẩm từ ngũ cốc, tinh bột (HS 11): xuất xứ thuần túy đối với nguyên liệu sử dụng từ ngũ cốc, tinh bột, khoai tây, sắn;
- Rượu và các đồ uống chứa cồn (HS 22): nho sử dụng làm nguyên liệu có xuất xứ thuần túy và tỷ lệ đường nguyên liệu không xuất xứ là 20%.
- Thuốc lá và nguyên liệu thuốc lá (HS 24): áp dụng quy tắc chặt chẽ khi lá thuốc lá chưa chế biến phải có xuất xứ thuần túy, lá thuốc lá đã chế biến chỉ được sử dụng tối đa 30% nguyên liệu không xuất xứ cùng Chương 24.
- Hàng thủy sản (HS 03 và 16): tiêu chí xuất xứ thuần túy cho hàng thủy sản là “sinh ra hoặc lớn lên” (born or raised) có định nghĩa cụ thể; Xuất xứ thuần túy cho mặt hàng cụ thể Chương 03, Chương 16 có nguyên liệu từ Chương 03 và 16 (linh hoạt cho mặt hàng mực và bạch tuộc chế biến của Việt Nam được phép cộng gộp mở rộng với các nước ASEAN là đối tác ký FTA với EU).

Các cam kết liên quan khác

- **Phát triển bền vững:** Quy định về các vấn đề môi trường có liên quan đến thương mại như thủy sản, sản phẩm lâm nghiệp, đa dạng sinh học mang tính hợp tác, khuyến khích và nỗ lực thực hiện các cam kết.
- **Sở hữu trí tuệ:** Việt Nam cam kết bảo hộ 169 chỉ dẫn địa lý của EU và EU sẽ bảo hộ 39 chỉ dẫn địa lý của Việt Nam. Các chỉ dẫn địa lý của Việt Nam đều liên quan tới nông sản, thực phẩm. Đây là điều kiện để một số chủng loại nông sản nổi bật của Việt Nam tiếp cận và khẳng định thương hiệu của mình tại thị trường EU.

III. ĐỀ XUẤT

- Nâng cao năng lực cạnh tranh của hàng hóa nông lâm thủy sản và Hiệp hội ngành hàng / Doanh nghiệp Việt Nam trong bối cảnh hội nhập kinh tế
- Tăng cường nhân lực; nâng cao năng suất lao động; phát triển lực lượng lao động tiên tiến phục vụ cho ngành
- Phát triển sản phẩm theo chuỗi, tập trung vào chế biến sâu
- Ký các thỏa thuận MRA, SPS
- Hoàn thiện môi trường chính sách; nâng cao năng lực thực thi pháp luật và các quy định khác
- Nâng cao năng lực phân tích và dự báo thị trường;
- Nâng cao khả năng vận dụng cam kết và các biện pháp được áp dụng trong các FTAs

XIN CẢM ƠN!

